

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/4/2018
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Công Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Phạm Thị Hồng Loan.

2. Bà Trần Thị Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 352/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017, về tranh chấp: “*Yêu cầu ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu D, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Tổ 02, ấp O, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

Bị đơn: Bà Trần Thị Tân Tr, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Tổ 44, thôn Th, xã K, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Ông Nguyễn Hữu D, bà Trần Thị Tân Tr vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai cùng lời trình bày trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu D trình bày:

Ông Nguyễn Hữu D và bà Trần Thị Tân Tr tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 22/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó đến cuối năm 2007 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là về tiền bạc, cách sống. Trong khi sống chung thì bà Trần Thị Tân Tr thường hay bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống khi hai vợ chồng cãi vã nhau. Khi bà Tr đi, nhiều lần ông D thuyết phục về chung sống nhưng sau đó bà Trang lại bỏ đi, tổng cộng khoảng 04 lần. Ông D và bà Tr đã ly

thân từ tháng 02/2014 cho đến nay. Nay cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Nguyễn Hữu D yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Tân Tr.

Về con chung: Ông D và bà Trang có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Ng , sinh ngày: 04/10/2006 và cháu Nguyễn Phước N , sinh ngày: 30/9/2009.

Ông Nguyễn Hữu D đồng ý cho bà Trần Thị Tân Tr được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Ngọc Ng và cháu Nguyễn Phước N ,

Ông Nguyễn Hữu D đồng ý cấp dưỡng 500.000đ/tháng/cháu. Tính cho 02 cháu là 1.000.000 đồng/tháng để bà Tr nuôi con chung cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Ông D không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do điều kiện đi lại khó khăn nên ông Nguyễn Hữu D xin tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Theo bản tự khai và các biên bản làm việc tại tòa án, bị đơn bà Trần Thị Tân Tr trình bày:

Sau khi tìm hiểu được một thời gian thì bà Tr và ông D quyết định đi đến cưới nhau, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 22/7/2005 tại UBND xã K , huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu sống hạnh phúc, lo làm ăn nhưng đến đầu năm 2013 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã và không tìm thấy tiếng nói chung.

Nay ông Nguyễn Hữu D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông D được ly hôn với bà Tr , xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc nên bà Trang đồng ý ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà Tr và ông D có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Ng , sinh ngày: 04/10/2006 và cháu Nguyễn Phước N , sinh ngày: 30/9/2009.

Bà Tr có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Ng và cháu N .

Bà Trang yêu cầu ông D cấp dưỡng là 500.000đ/01 cháu/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án ông D và bà Tr chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Sau đó, giữa ông D và bà Tr phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông D được ly hôn với bà Tr nên Tòa án cần xử chấp nhận yêu cầu của ông D. Về con chung, bà Tr có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Ng , cháu N và yêu cầu ông D cấp dưỡng để bà Tr nuôi con chung với mức 500.000đ/tháng/cháu là phù hợp nên Tòa án cần xử chấp nhận yêu cầu của bà Tr . Về tài sản chung và nợ chung: Ông D và bà Tr

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này ông D và bà Tr có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Hữu D và bà Trần Thị Tân Tr tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 22/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay ông D yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Nơi cư trú của bà Trần Thị Tân Tr là xã K, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ông Nguyễn Hữu D đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 09/02/2018 và ngày 26/3/2018. Ông Nguyễn Hữu D và bà Trần Thị Tân Tr có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông D và bà Tr là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS 2015.

[3] Ông Nguyễn Hữu D và bà Trần Thị Tân Tr tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 22/7/2005 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh rất nhiều mâu thuẫn. Theo ông D nguyên nhân mâu thuẫn là do về vấn đề tiền bạc, cách sống. Ngoài ra, bà Tr thường xuyên bỏ về nhà cha mẹ ruột khi hai vợ chồng cãi vã nhau, tổng cộng khoảng 04 lần. Đến tháng 2/2014 thì ông D và bà Tr ly thân cho đến nay.

Theo bà Tr nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa hai bên thường xuyên cãi vã nhau, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt, không thể hàn gắn được tình cảm nên ông D yêu cầu ly hôn thì bà Tr đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông D. Điều này chứng tỏ bà Tr g không còn mong muốn hàn gắn tình cảm, xây dựng gia đình, hạnh phúc bền vững. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của ông D và kết quả thu thập chứng cứ cũng như xác minh của Tòa án có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa ông D và bà Tr ngày càng trầm trọng, cả hai đều không có tiếng nói chung mỗi người mỗi ý, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông Nguyễn Hữu D được ly hôn với bà Trần Thị Tân Tr.

[4] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số đăng ký số 234, quyền số 01/2006 ngày 14/11/2006 và Giấy khai sinh đăng ký số 236, quyền số 01/2009 ngày 05/11/2009 của UBND xã K, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông D và bà Tr có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Ng, sinh ngày 04/10/2006 và cháu Nguyễn Phước N, sinh ngày 30/9/2009. Hiện cháu Ng và cháu N đang sống chung với bà Tr và có nguyện vọng ở với bà Tr. Ông D đồng ý cho bà Tr được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu. Do đó Hội đồng xét xử xử cho bà Trang được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng và cháu Ng.

Về vấn đề cấp dưỡng: Ông Nguyễn Hữu D đồng ý cấp dưỡng 500.000đ/tháng/01 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và yêu cầu này được bà Trang đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông D và bà Tr không yêu cầu tòa án giải quyết. Nếu sau này, ông D và bà Tr có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Hữu D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà ông D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số TU/2016/0009021 ngày 24/10/2017. Ông Nguyễn Hữu D phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36, khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu D được ly hôn với bà Trần Thị Tân Tr.

Về quan hệ con chung: Ông D và bà Tr có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc Ng, sinh ngày: 04/10/2006 và cháu Nguyễn Phước N, sinh ngày: 30/9/2009.

Bà Trần Thị Tân Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Ngọc Ng và cháu Nguyễn Phước N.

Ông Nguyễn Hữu D phải cấp dưỡng 500.000đ/tháng/01 cháu để bà Tr nuôi con chung cho đến khi cháu Ng và cháu N trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Nguyễn Hữu D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông D và bà Tr không yêu cầu tòa án giải quyết. Nếu sau này, ông D và bà Tr có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác

Về án phí: Ông Nguyễn Hữu D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà ông D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số TU/2016/0009021 ngày 24/10/2017. Ông Nguyễn Hữu D phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/4/2018), các đương sự có quyền kháng cáo; đối với ông D và bà Tr vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Chi cục THADS huyện Châu Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã Kim Long;
- Lưu hồ sơ.